

Bản án số: 121/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22-9-2023
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VINH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Gia An, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vinh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vinh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trà H**, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Chị **Tăng Thị T**, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/7/2022, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh Trà H trình bày:

Vào năm 2014, anh với chị Tăng Thị T được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 12/4/2018. Thời gian đầu, anh và chị T chung sống hạnh phúc. Nhưng một thời gian sau, anh và chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống và tính cách, từ đó cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Đồng thời, anh và chị T đã sống ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay.

Trong thời gian chung sống, anh và chị T có hai con chung là cháu: Trà Giàn (giới tính: Nam), sinh ngày 05/7/2015 và Trà Thị Ngọc V (giới tính: Nữ), sinh ngày 10/11/2017. Hiện cháu G và cháu V đang sống chung với anh.

Nay nhận thấy hạnh phúc gia đình tan vỡ, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không thành, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với chị Tăng Thị The .
- Về con chung: Anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu: Trà Giàn (giới tính: Nam), sinh ngày 05/7/2015 và Trà Thị Ngọc V (giới tính: Nữ), sinh ngày 10/11/2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn chị Tăng Thị T đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị T đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào đơn khởi kiện, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn có địa chỉ tại ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về thủ tục tố tụng:

[3.1] Đối với nguyên đơn anh Trà H có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng đối với bị đơn chị Tăng Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3.2] Theo như đơn khởi kiện, anh Trà H có yêu cầu chị Tăng Thị T cấp dưỡng nuôi con trong trường hợp anh trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung mỗi tháng mỗi cháu là 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại đơn xin xét xử vắng mặt anh H thay đổi yêu cầu khởi kiện là: Không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con, việc thay đổi yêu cầu này của anh H không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận sự thay đổi này của anh Trà H.

[4] Về nội dung vụ án: Xét đơn yêu cầu về việc xin ly hôn của anh Trà H đối với chị Tăng Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ hôn nhân của anh H và chị T không vi phạm các điều kiện kết hôn và sau khi sống chung với nhau hai người có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa anh H với chị T phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, thiếu quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, anh H và chị T đã sống ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu xin được ly hôn với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho anh H được ly hôn với chị T.

[5] Về con chung: Đối với cháu Trà G1 (giới tính: N), sinh ngày 05/7/2015 và Trà Thị Ngọc V (giới tính: Nữ), sinh ngày 10/11/2017, hiện nay anh H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu G1 và cháu V cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của cháu G1 và phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi các con: anh H không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Dành quyền thăm nom, giáo dục con chung cho chị T, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Anh Trà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trà H được ly hôn với chị Tăng Thị The .
2. Về con chung: Anh Trà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên: T (giới tính: Nam), sinh ngày 05/7/2015 và Trà Thị Ngọc V (giới tính: Nữ), sinh ngày 10/11/2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, giáo dục

con cho chị T, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi các con: Anh H không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Anh Trà H phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng anh H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007897, ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Như vậy, anh H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Tăng Thị T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- UBND xã Lịch Hội Thượng, H.Trần Đề;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Văn Đua